TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 6 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chỉnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đ Bình.

Ông Nguyễn Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 19xx; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Uông Văn L, sinh năm 19xx; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị V và anh L tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 03/7/20xx.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, nên hôn nhân không có hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên từ năm 2018 chị V đã ra ở riêng,

từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị V xác nhận: Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Uông Thị Hồng Đ, sinh ngày 11/6/20xx, Uông Yến N, sinh ngày 19/5/20xx và Uông L T, sinh ngày 07/7/20xx. Do chưa có chỗ ở ổn định và đang thất nghiệp nên từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay các con chung đều do anh L nuôi dưỡng. Do vậy, chị V đề nghị giao cả 03 con chung cho anh L nuôi dưỡng, khi nào điều kiện cho phép chị V sẽ thay đổi quyền nuôi con. Việc cấp dưỡng cho con hai bên tự thoả thuận, chị V không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 01 năm 2022, bị đơn anh Uông Văn L trình bày: Anh L và chị V tự nguyện kết hôn với nhau năm 20xx, có đăng ký hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau nên sau đó chị V đã bỏ đi nơi khác sinh sống, anh L đã động viên để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay anh L xác định: Tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn với chị V.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Uông Thị Hồng Đ, sinh ngày 11/6/20xx, Uông Yến N, sinh ngày 19/5/20xx và Uông L T, sinh ngày 07/7/20xx. Anh L yêu cầu được nuôi cả 03 con chung, việc cấp dưỡng cho con hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu giải quyết.

Tiến hành xác minh tại địa phương kết quả cho thấy: Chị V và anh L tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 20xx có đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị V đã chuyển đi nơi khác ở nên vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ nhiều năm nay. Nay chị V có yêu cầu ly hôn với anh L, địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị V và anh L có 03 con chung là Uông Thị Hồng Đ, sinh ngày 11/6/20xx, Uông Yến N, sinh ngày 19/5/20xx và Uông L T, sinh ngày 07/7/20xx hiện anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Địa phương đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án thu thập đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Uông Văn L.

Về con chung: Căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các đương sự, giao cả 03 con chung là Uông Thị Hồng Đ, sinh ngày 11/6/20xx, Uông Yến N, sinh ngày 19/5/20xx và Uông L T, sinh ngày 07/7/20xx cho anh L nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị V có yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh Uông Văn L có nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về thủ tục tố tụng tại Tòa: Bị đơn anh Uông Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Uông Văn L tuân thủ đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh L đã trầm trọng, hai người đã có thời gian dài sống ly thân cho thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nay chị V có yêu cầu ly hôn thì anh L cũng đồng ý. Căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Uông Văn.

[4] Về con chung: Chị V và anh L có 03 con chung là Uông Thị Hồng Đ, sinh ngày 11/6/20xx, Uông Yến N, sinh ngày 19/5/20xx và Uông L T, sinh ngày 07/7/20xx. Chị V đề nghị giao cả 03 con chung cho anh L nuôi dưỡng; anh L yêu cầu được nuôi cả 03 con chung. Xét thấy, chị V chưa có chỗ ở ổn định, chưa có thu nhập, trong khi đó anh L là người có công việc, thu nhập ổn định. Thực tế từ khi vợ chồng sống ly thân thì anh L là người trực tiếp nuôi cả 03 con chung cho thấy anh L là người có đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy việc giao cả 03 con chung cho

anh L nuôi dưỡng là phù hợp điều kiện hoàn cảnh chăm sóc nuôi dạy con, đảm bảo được quyền lợi cũng như nguyện vọng được ở với bố của các con. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của hai bên: Giao cả 03 con chung cho anh L nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con hai bên không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Uông Văn L.

- Về con chung: Giao cả 03 con chung là Uông Thị Hồng Đ, sinh ngày 11/6/20xx, Uông Yến N, sinh ngày 19/5/20xx và Uông L T, sinh ngày 07/7/20xx cho anh Uông Văn L trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con hai bên không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này chị V đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006162 ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Uông Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện T
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Chỉnh